NGƯỜI ĐƯƠNG THỜI TIẾP NHẬN NGUYỄN THIẾP (1723 - 1804)

NGUYỄN HỮU SƠN*

Nhà nho Nguyễn Thiếp (1723-1804), sớm nổi danh, trở thành danh nhân, dự hàng phu tử (La Sơn phu tử, La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp) không phải do dòng dõi thế gia vọng tộc, tài cao học rộng, đỗ đạt, quan cao lộc hậu, công danh hiển hách mà chính là nhờ vào sự tổ hợp của nhiều yếu tố "Thiên thời, địa lợi, nhân hòa". Qua các nguồn tư liệu của người đương thời, tính trong giới hạn hành trạng cuộc đời Nguyễn Thiếp và quán tính trong sinh quyển thời đại phong kiến nối dài đến hết thế kỷ XIX. Nói cách khác, đây là cách nghiên cứu, tiếp nhận Nguyễn Thiếp qua tiếng nói của những người đồng thời, cùng thời, đương thời, trong đúng sinh quyển của thời đại Nguyễn Thiếp. Đương nhiên nguồn tài liệu Hán Nôm của người đương thời này đến nay cơ bản đã được dịch ra chữ Quốc ngữ.

Trước hết, về vấn đề tư liệu phục vụ cho việc tìm hiểu "Người đương thời tiếp nhận Nguyễn Thiếp", Hoàng Xuân Hãn từng xác nhận: "Tôi đi tìm di bút cụ. Không thấy, nhưng thấy quyển *Hạnh Am thi cảo* cùng phụ lục các bài chiếu, biểu của cụ và Quang Trung, Cảnh Thịnh. Trong *Hạnh Am thi cảo*, các thơ thường có đề năm làm, khiến cho tôi có thể vin vào đó mà biết ít nhiều hành vi của cụ, y như lời cụ dự đoán trong bài *biền ngôn* (1) sách ấy. Các bài chiếu, biểu so với tập giấy cũ nói trên có chỗ dị đồng và họp lại được cả thảy ba mươi hai bức... Tôi lại tìm gia phổ, hành trạng và các sách có nói đến thân thế phu tử hay có chép một chuyện nào về phu tử. Không kể những sách Quốc ngữ chép lại, tôi đã tìm thấy hơn mười tám quyển. Hoặc giả có quyển chép kỹ càng như *Gia phổ, Lê mạt tiết nghĩa lục* và *Dã sử nhật ký*, hoặc giả chỉ chép một vài việc nhưng mà quan trọng" (2). Nguồn tư liệu này cơ bản đã được học giả Hoàng Xuân Hãn giới thiệu, phân tích, bình điểm trong sách *La Sơn phu tử*, qua đó chúng tôi sẽ chọn lọc, thực hiện các bước tổng hợp mới và "gieo cầu" cho đúng tính vấn đề "Người đương thời tiếp nhận Nguyễn Thiếp"

Trên thực tế, chính Nguyễn Thiếp đã ghi nhận rằng mình bị bệnh cuồng và tự thuật trong *Hạnh Am ký*: "Ta sinh ra bẩm tính quê kịch. Ta bé theo học cử nghiệp. Lúc tuổi gần lớn, ta theo chú là Hiến sát sứ, lúc ông tới nhậm chức ở Thái Nguyên. Bắt đầu vì chứng cuồng dị, lưu lại tại vùng Kim Hoa, Yên Lãng. Tự nhảy xuống ruộng bùn. Có ông Nguyễn ở xã Do Nhân, thôn Vệ Hạ (xóm Và Dưới) đem về nuôi trong một tháng, người nhà mới tìm về... Năm Quý Hợi (1734), thoắt đậu Hương giải. Tuy công việc nhàn rỗi nhưng nọc bệnh vẫn còn. Đụng làm việc gì thì phát. Chừng hai, ba

*PGS.TS. Viện Văn học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

ngày bệnh khỏi; lâu tới hàng tuần, hàng tháng... Ta tự nghĩ rằng: Tiên thế ta thường bị tật ấy, mà ta có luôn, chắc là khí huyết truyền nhiễm. Ta tự bỏ mình, từ biệt việc đời mà ẩn náu trong rừng núi, kẻo sợ bệnh không thôi hẳn. Năm Bính Tý (1756), vì ta nhiều tuổi lại có đậu, được bổ làm Huấn đạo Anh Đô. Qua năm sau. Đi lại khó nhọc, không được mấy tháng ngồi yên. Nên bệnh cũ phút chốc trở lại. Từ lúc xin từ chức về, lo nghỉ ngơi, bệnh mười phần giảm được tám chín (…). Ta không may có bệnh riêng. Đầu lấy hiệu là Cuồng ẩn, cũng gọi Điên ẩn và đặt tên nhà là Thận Tật Am… Đắp đổi những điều hỏng thiếu về trước mà giữ lọn được được những năm còn sống về sau… Nhân thế, đổi lại, định đặt tên là Hạnh Am (Am May)" (3)... Về chuyện này, Hoàng Xuân Hãn bình luận: "Theo cụ thì cụ thường hay bị bệnh cuồng, tức là bệnh điên, và chính vì thế mà cụ bỏ quan về ẩn. Cụ bèn tự gọi mình là Cuồng ẩn hay là Điên ẩn. Nhưng đó chẳng qua là cụ thác chuyện để tự khiêm tốn mà thôi" (4) Câu hỏi được đặt ra, vì sao Nguyễn Thiếp bị bệnh cuồng từ nhỏ, đỗ đạt không cao, có dạy học cũng chỉ ở phạm vi một địa phương, lại vẫn được cả ba triều đại Lê (Trịnh) - Tây Sơn - Nguyễn Gia Long trọng thị, tin cậy, đón chào, trọng dụng?...

Thuở đương thời, danh sĩ Bùi Dương Lịch (1757-1828) - đồng hương huyện La Sơn và kém Nguyễn Thiếp 34 tuổi - khi soạn sách *Lê quý dật sử* biên niên sử giao thời Lê (Trịnh) - Tây Sơn (1758-1793). Ghi chép khái lược của Bùi Dương Lịch về tiểu sử Nguyễn Thiếp giai đoạn khởi đầu chỉ liên quan tới triều Lê - Trịnh (năm ấy Bùi Dương Lịch đã 24 tuổi): "Tân Sửu, năm Cảnh Hưng 42 (1781)... Nguyễn Thiếp người xã Nguyệt Áng, huyện La Sơn, tỉnh Nghệ An (cháu họ tiến sĩ Nguyễn Công Hanh), lại có tên là Khải Xuyên, thi Hội đỗ Tam trường, được bổ làm Nho học Huấn đạo ở Anh Đô, từng làm Tri huyện Thanh Chương [Nghệ An]. Bị phạt, ông cáo quan xin về, dựng nhà ở núi Nam Hoa, bên ngoài thành Lục Niên, ở ẩn, vui cảnh nhàn. Khi Tĩnh Vương cầm quyền, trấn thành Nghệ An là Điền Quận công [Hoàng Đình Bảo] tiến cử ông. Chúa sai đem gấm vóc, tiền đến mời Khải Xuyên, lệnh cho lính địa phương hộ vệ đưa ông tới kinh, chưa kịp dẫn vào yết kiến thì chúa ốm nặng, mấy tháng sau chúa mất. [Ông] bèn quay trở về... Khải Xuyên là người hiểu rộng biết nhiều, học vấn uyên bác, các bậc nho đều kính trọng. Ông lấy hiệu là Lạp Phong tiên sinh, có làm thơ tự ví mình (…). Người đời cho là ông biết trước [mọi việc]" (5)

Tiếp theo là những ghi chép năm năm sau (1786) kể từ khi mối quan hệ Nguyễn Huệ - Nguyễn Thiếp được thiết lập: "Bính Ngọ, năm Cảnh Hưng 47 (1786)... Quân Nguyễn Nhạc đóng ở hành cung Nghệ An. Nguyễn Huệ từ lâu đã nghe tiếng La Sơn tiên sinh, sai hai quan Đại Tư đồ, Đại Tư mã đến La Sơn đón tiên sinh Nguyễn Thiếp. Nguyễn Huệ đối đãi theo nghi lễ bậc thầy, hỏi rằng: "Hiện nay thiên hạ bị chia cắt, đến bao giờ thì bình định được?". [Nguyễn Thiếp] thưa rằng: "Trong nước có loạn lớn, thiếu bậc anh hùng. Người có thể bình định được phi tướng quân thì còn ai nữa?". Nguyễn Huệ im lặng, sai người đưa tiên sinh về nhà" (6), đặc biệt sự gắn kết đồng tâm hiệp lực trong việc đánh quân xâm lược Thanh: "Mậu Thân, năm Chiêu Thống 2 (1788)... Tháng ấy, Nguyễn Huệ nghe tin báo (Tôn Sĩ Nghị kéo quân vào Thăng Long], bèn tự mình đem đại quân cùng voi chiến, huy động hết cả quân của các trấn Quảng, Thuận, Nghệ, Thanh lấn ra đất Bắc, thề quyết đánh. Quân tới Nghệ An, Huệ sai vời La Sơn tiên sinh đến hỏi về mưu kế đánh và giữ. La Sơn tiên sinh thưa:

"Chúa thượng xuất quân lần này không quá mười ngày thì giặc Thanh bị diệt hết". Huệ khen ngợi, nhận kế đó rồi tiến quân đi gấp ngày đêm, nhằm Thăng Long thẳng tiến. Nguyễn tiên sinh nói: "Ngày nay trong nước trống rỗng, lòng người ly tán. Quân Thanh từ xa tới, vào sâu đất nước ta, chưa biết tình hình mạnh yếu, không hiểu được thế chiến trận, đánh trong khoảng mười ngày có thể dẹp yên được" (7); đồng thời mở rộng và nhấn mạnh niềm tin của Quang Trung với bậc phu tử: "Trước đây Tây Sơn Nguyễn Huệ vốn biết tiếng Nguyễn Khải Xuyên, người được nhân dân lúc bấy giờ tôn trọng gọi là Tiên sinh và giữ lễ là bậc thầy. Nguyễn Huệ muốn dựa vào đó để thu phục lòng người, bèn sai sứ đem thư tới Nghệ An khen thưởng, lời lẽ rất cung kính, tặng vàng lụa và mời ông ra. Khải Xuyên không đến, sai học trò là Phan Khải Đức người An Ấp về Phú Xuân dâng biểu khẩn khoản chối từ. Nguyễn Huệ lại ban cho vàng lụa rất nhiều để an ủi. Khi ấy Tây Sơn đã đánh thắng quân Thanh. Nguyễn Huệ thấy Khải Xuyên quả là người có kiến thức càng thêm kính trọng, triệu Khải Xuyên tới Thăng Long, sai đi Kinh Bắc xem đất Cổ Bi, sau đó về Nghệ An xem đất An Trường, vì có ý muốn bàn dời đô, ban lộc cho Khải Xuyên một số ruộng, số đinh ở quê ông là xã Nguyệt Ao, miễn lính và tô để tỏ ý tôn kính người hiền" (8)...

Đến đoạn cuối, Bùi Dương Lịch tiếp tục ghi nhận mối quan hệ tốt đẹp giữa Quang Trung và Nguyễn Thiếp trong công cuộc xây dựng vương triều Tây Sơn, trước hết là khoa cử: "Kỷ Dậu, năm Chiêu Thống 3 (1789). Tây Sơn Quang Trung 2... Mùa Thu, Tây Sơn mở khoa thi cho học trò ở Nghệ An, sai Nguyễn Khải Xuyên làm Đề điệu trường thi" (9); liền sau đó là sự hợp tác kiến tạo nền tảng văn hóa, văn học dân tộc: "Nhâm Tý, năm Quang Trung 5 (1792)... Tây Sơn lại triệu Nguyễn Khải Xuyên đến Phú Xuân, muốn ông trông coi việc Kinh diên. Khải Xuyên khẩn thiết chối từ vì tuổi đã già. Tây Sơn cho ông làm Viện trưởng Viện Sùng chính để tỏ lòng yêu mến, ưu đãi, sai xây dựng Viện ở núi Nam Hoa, diễn dịch bộ sách *Thư nghĩa tiểu học*" (10)

Khác biệt hơn, các tác giả Ngô gia văn phái cơ bản gắn bó với triều Lê - Trịnh cũng đề cao mối quan hệ hữu hảo giữa Quang Trung - Nguyễn Thiếp, xác nhận niềm tin tưởng, trọng thị của Hoàng đế Quang Trung với La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp; và ngược lại, sự khâm phục, trân trọng của Nguyễn Thiếp với Quang Trung: "Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thủy lẫn bộ cùng ra đi. Ngày 29 (tháng Chạp 1788) đến Nghệ An, vua Quang Trung cho vời người cống sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi: " - Quân Thanh sang đánh, tôi sắp đem binh ra chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua, tiên sinh nghĩ như thế nào?". Thiếp nói: " - Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới đây, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ thế nên đánh nên giữ ra sao. Chúa công đi ra chuyến này, không quá mười ngày, giặc Thanh sẽ bị dẹp tan" (11). Tương truyền khi xây dựng Phượng Hoàng trung đô, Quang Trung có viết chiếu mời Nguyễn Thiếp ra xem đất. Trong tờ chiếu, có đoạn viết như sau: "Nay kinh Phú Xuân thì hình thế cách trở, ở xa trị Bắc Hà, sự thế rất khó khăn. Theo đình thần nghị rằng, chỉ đóng đô ở Nghệ An là độ đường vừa cân, vừa có thể khống chế được trong Nam ngoài Bắc, và sẽ làm cho người tứ phương đến kêu kiện, tiện việc đi về" (12)

Mối quan hệ Quang Trung - Nguyễn Thiếp được Hoàng Xuân Hãn khảo sát,

phân tích thấu đáo ở Chương XIII - *Hội kiến với Chính Bình vương*, Chương XIV - *Xem đất làm đô ở Nghệ An*, Chương XV - *Giao thiệp với Quang Trung*, Chương XVI - *Hợp tác với Quang Trung*, Chương XVII - *Sùng Chính thư viện* và Chương XVIII - *Giao thiệp với Cảnh Thịnh*, chiếm 6/25 chương (60/240 trang chính văn) trong toàn sách *La Sơn phu tử* (13)… Ở đây, Hoàng Xuân Hãn đã cụ thể hóa mối quan hệ trên bằng 11 bức thư, chiếu truyền của Chính Bình Vương - Quang Trung gửi La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp và đều in kèm bản sao: 1) *Thư của Nguyễn Huệ mời giúp việc lần thứ nhất*, 18 - 12 Thái Đức 9, đầu năm 1786); 2) *Thư của Chính Bình Vương (Nguyễn Huệ) mời giúp lần thứ hai*, 10 - 8 Thái Đức 10 (1787); 3) *Thư của Chính Bình Vương (Nguyễn Huệ) mời giúp việc lần thứ ba và trách cụ cố chấp*, 13-9 Thái Đức 10 (1787); 4) *Thư của Chính Bình Vương mời tới Phù Thạch, hội kiến lần thứ nhất*, 18 - 3 Thái Đức 11 (1788); 5) *Chiếu Nôm của Chính Bình Vương tự viết để nhắc việc xem đất đóng đô ở Phù Thạch*, 1-6 Thái Đức 11 (1788); 6) *Chiếu của Chính Bình Vương nhờ cụ xem hướng và chọn ngày để dựng hành cung ở Nghệ An*, 19 - 6 Thái Đức 11 (1788); 7) *Chiếu của Chính Bình Vương giảng lẽ bỏ nhà Lê, trách không xem đất đóng đô ở Nghệ An và nhờ xem đất đóng đô ở Yên Trường*, 3 - 9 Thái Đức 11 (1788); 8) *Chiếu của Quang Trung trách đã từ bổng lộc*, 5 - 10 Quang Trung 2 (1789); 9) *Chiếu mời vào Phú Xuân hội kiến với Quang Trung lần thứ tư*, 10 - 7 Quang Trung 4 (1791); 10) *Chiếu của Quang Trung lập Sùng Chính Viện và sai khảo các học quan*, 20 - 8 Quang Trung 4 (1791); 11) *Chiếu của Quang Trung khen dịch "Tiểu học", "Tứ thư" và giục dịch các kinh "Thi", "Thư", "Dịch"*, 1 - 6 Quang Trung 5 (1792) (14); bên cạnh các thư phúc đáp của Nguyễn Thiếp với Quang Trung và công văn, thư trát, tờ tâu, phúc đáp của các chức sắc, quan lại triều đình và phủ trấn thừa hành khác… Như vậy, phải có uy vọng, vị thế, tư cách và bản lĩnh cao cường thì Nguyễn Thiếp mới được tân vương Nguyễn Huệ mời gọi nhiều lần, lại bắc bậc kiêu kỳ đến thế nào mới "được" hoàng đế "trách cụ cố chấp", "trách không xem đất đóng đô ở Nghệ An", "trách đã từ bổng lộc"… Mối quan hệ trên xác nhận vị thế bậc phu tử trí thức Nho sĩ đóng vai trò quân sư, mưu sĩ, gián cách đứng cao hơn mọi thế lực vua quan, vương triều, bè đảng, nhóm phái. Điều này cũng góp phần lý giải vì sao La Sơn phu tử luôn thoái thác công danh phú quý, xin từ quan, mong về ở ẩn vui thú điền viên mà vẫn nhận được sự tin tưởng, vời gọi, trọng dùng từ thời Lê - Trịnh, qua Quang Trung - Tây Sơn đến Gia Long sau này.

Hoàng Xuân Hãn cho biết thêm trong sách *Vân nang tiểu sử* của Phạm Đình Dục (1849 - ?) có chép chuyện người ẩn sĩ ở Nghệ An không quy phục Tây Sơn, "quyết chí trốn đời", "lấy cớ bệnh mà từ", "không chịu tước lộc" và lúc qua Lũy Thầy có làm bài thơ Nôm:

Đã trót lên đèo phải xuống đèo,
Tay không mình tưởng đã cheo leo.
Thương thay thiên hạ người gồng gánh,
Tháng lọn, ngày thâu chỉ những trèo.

Tiếp đó, Hoàng Xuân Hãn dẫn lời bình của tác giả sách *Vân nang tiểu sử*: "Ngẫm hai mươi tám chữ đó, thấy tác giả chí cao biết tự xử, có con mắt khinh đời, không để lòng mê làm lầm, biết thời vận chưa làm gì được. Sánh cùng từ vân che chở vật, thương xót chúng sinh. Biết chia đường trong đục mà phân biệt yên nguy. Thật là một áng văn chứa thuật số của nước Việt ta (…). Tiếc không biết tên họ người soạn, xin đợi khảo xét" (15), rồi xét đoán: "Theo lời dẫn

trên, ta có thể tin rằng soạn giả là La Sơn phu tử. Có lẽ cũng phỏng đoán như vậy mà ông Lê Dư có chép trong sách *Văn đàn bảo giám* rằng bài thơ kia của Nguyễn Khải Xuyên… Tôi cũng đã đoán rằng bài này làm vào năm 1791, trong khi từ quan chức mà Quang Trung muốn trao cho ở Phú Xuân" (16)

Lại nói đương thời có Bùi Huy Bích (1744 - 1818) kém Nguyễn Thiếp 23 tuổi cũng có bài thơ *Vấn Lục Niên thành ẩn giả* (Hỏi thăm nhà ẩn sĩ ở thành Lục Niên):

人言翁棄官，
移家就泉石。
或問樂何事，
白雲渺無跡。
不才妨賢路，
文牒紛日夕。
遙想翁所居，
雲深翠自滴。
每欲往後之，
又恐厭俗客。
嗟我學簿書，
區區志昇斗。
此翁殊不然，
掛冠歸隴畝。
人指白雲城，
家在南山口。
隔江遙望之，
青靄混巖藪。
憑誰問山翁，
亦知我心否？

Dịch nghĩa:

Người rằng ông bỏ quan,
Dời nhà vào suối đá,
Hỏi ông vui với gì?
Trắng bạc mây mờ tỏa.
Bất tài buồn cho tôi,
Sớm chiều rộn giấy má.
Xa tưởng nơi nhà ông,
Mây sâu nhiều vẻ lạ.
Đi lúc muốn qua thăm,
Vết trần sợ vấy vá.
Ôi tôi học từ trát,
Thưng đấu chạy long tong.
Mà ông riêng khác thế,
Treo mũ trở về đồng.
Người trỏ thành mây trắng:
"Núi Nam đó nhà ông".
Cách sông xa đứng ngóng,
Rừng rậm biếc chen hồng.
Cậy ai hỏi ông được:
"Có rõ lòng tôi không?".

(Trúc Khê *dịch*)

Bài thơ là lời tâm tình, giãi bày tâm sự trong vai kẻ thường nhân còn nặng nghiệp đời với đấng tiên phong đạo cốt, đứng cao hơn cõi đời, cõi người, đạt tới thoát tục, vô vi.

Trở lại trường hợp danh sĩ Bùi Dương Lịch (1757 - 1828) - đồng hương huyện La Sơn - ngoài việc soạn sách *Lê quý dật sử* còn có thơ đề vịnh, đối đáp qua lại với Nguyễn Thiếp. Lê Thúc Thông đưa tư liệu và dẫn giải: "Sự tích thầy Nguyễn Thiếp cao tiết thanh phong, ai ai cũng hâm mộ, mà Hoàng giáp Bùi Dương Lịch có thơ chê rằng:

一月澳民無所賴，
六年城石自留汚.
Nhất nguyệt úc dân vô sở lại,
Lục Niên thành thạch tự lưu ô (17).

Lại chê Nguyễn Thiếp thơ vịnh núi Kim Nhan (Nguyễn Thiếp vịnh Kim Nhan, thơ rằng: 收盡精英氣，安南小泰山 *Thu tận tinh anh khí, An Nam tiểu Thái Sơn*) là kiến thức hủ lậu. Nguyên

buổi ấy Dương Lịch thì xuất mà Nguyễn Thiếp thì xử. Trước kia, Nguyễn Thiếp có thơ cười Dương Lịch rằng:

黎朝大進士,
西山擢翰林.
阮朝提學政,
與世共浮沈.

Dịch nghĩa:

Lê triều đại tiến sĩ,
Tây Sơn trạc hàn lâm.
Nguyễn triều đề học chính,
Dữ thế cộng phù trầm (18).

Dương Lịch đổi câu kết làm: 舉世共知音 *Cử thế cộng tri âm* (19). Bởi vậy Dương Lịch trả lại câu thơ, ngữ khí có ý công kích" (20).

Ở phần tiếp theo, Lê Thúc Thông mở rộng nguồn tư liệu và đi sâu phân tích: "Cũng có kẻ bàn Nguyễn Thiếp chẳng hay rõ công nghiệp ở đời, phải tìm chốn ẩn để mà lưu danh về sau, vậy có thơ rằng:

干戈局裏痛紛爭,
別向林巒占大名.
宋陛已慚冠冕立,
漢庭猶見駟車迎.
石經客座餘苔迹,
泉怨人歸戴恨聲.
憑吊可無湮沒淚,
清風剩有一孤亭.

Dịch nghĩa:

Can qua cuộc lý thống phân tranh,
Biệt hướng lâm loan chiếm đại danh.
Tống bệ dĩ tàm quan miện lập,
Hán đình do kiến tứ xa nghinh.
Thạch kinh khách tọa dư đài tích,
Tuyền oán nhân quy đái hận thanh.
Bằng điếu khả vô nhân một lệ,
Thanh phong thặng hữu nhất cô đình (21).

Lại có kẻ bàn Nguyễn Thiếp ở ẩn, sau lại ứng sính Tây Sơn, cũng là bày đường sĩ hoạn tiệp kính cho kẻ sau. Vậy có thơ rằng:

高才原不買林泉,
只爲浮名却學仙.
黎祖劍鳴曾此地,
光平車到記當年.
人推理學存詩草,
帝獎耆英溢史編.
帶得羅山夫子號,
商周堂陛首陽巔.

Dịch nghĩa:

Cao tài nguyên bất mãi lâm tuyền,
Chỉ vị phù danh khước học tiên.
Lê Tổ kiếm minh tằng thử địa,
Quang Bình xa đáo ký đương niên.
Nhân suy Lý học tồn thi thảo,
Đế tưởng kỳ anh dật sử biên.
Đái đắc La Sơn phu tử hiệu,
Thương Chu đường bệ Thủ Dương điên (22).

Câu ấy trắc trọng Di Tề, đối với Nguyễn Thiếp hình như có ý bất mãn, song chẳng qua là văn sĩ thiệt đoan, "Trích khả thị mà Thuấn khả phi", đều là thiên kiến cả (...). Vậy biết văn chương Lý học, Nguyễn Thiếp chẳng kém Trình Tuyền, mà viễn vận thanh phong, Nguyễn Thiếp cũng không thua Chu Tiều ẩn. Sách *Địa dư* có câu rằng: 六年弓劍英雄事, 半枕烟霞逸客情 *Lục Niên cung kiếm anh hùng sự, Bán chẩm yên hà dật khách tình* (23)... Lấy thành Lục Niên với Nguyễn xử sĩ mà đối nhau, thời biết thành Lục Niên - Nguyễn xử sĩ, hai sự tích ấy đều là tiêu biểu cho cõi Hồng,

Lam. Xin người thượng lưu xã hội, người hạ lưu xã hội trông lên thành Lục Niên nên có lòng tư tưởng giang sơn, trông lên miếu Nguyễn xử sĩ nên có lòng phù trì danh giáo" (24)... Như vậy, ngay với bậc La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp thì người đời cũng có cách phân loại, đánh giá cao thấp, đậm nhạt tùy thuộc vào quan điểm xã hội, ý thức không phò vương triều chính thống và thái độ xuất xử khác biệt nhau. Có thể nói những sự kiện trên đã là cơ sở cứ liệu cho hậu thế đoán định, hư cấu về việc Bùi Dương Lịch có phần "đố kỵ", "ganh ghét", "kiêu căng", "ngầm cạnh tranh" với Nguyễn Thiếp ở chức vị Viện trưởng Viện Sùng Chính (25)

Lê Thúc Thông còn dẫn giải mối quan hệ giữa Nguyễn Thiếp với hoàng đế Gia Long (1762 - 1820): "Đức Cao Hoàng ở Gia Định đem thủy quân vượt bể ra lấy Phú Xuân, Quang Toản bỏ chạy ra Bắc Hà. Đức Cao Hoàng thu phục kinh thành, Nguyễn Thiếp vào chầu yết. Đức Cao Hoàng phán rằng: Nghe ngươi làm thầy Tây Sơn, sao mà để ta ra được đây? Nguyễn Thiếp tâu rằng: Tôi bày cho Tây Sơn chỉ lấy *Trung dung cửu kinh, Đại học bát điều mục* mà Tây Sơn chẳng nghe, cho nên phải bại vong. Đức Cao Hoàng ưu lễ lắm, cho tờ chiếu hoàn sơn. Lời chiếu rằng: 處士阮浹, 被偽朝徵召, 淹留京師, 今許回田園, 以遂其志. Xử sĩ Nguyễn Thiếp, tạc bị ngụy triều trưng triệu, yêm lưu kinh sư, kim hứa hồi điền viên, dĩ tụy (toại) kỳ chí" (Xử sĩ Nguyễn Thiếp, trước phải ngụy triều vời ra, yêm lưu ở kinh, nay cho về chốn điền viên, để cho toại chí mình). Nguyễn Thiếp đã về núi. Lấy sơn thủy làm thú vui chơi, các danh sơn đại xuyên đều có thơ đề vịnh; dạy học trò thời trước học lễ rồi sau học văn. Chết rồi mộ táng cũng ở núi ấy. Về sau Lương Kim Huyện có lập từ đường, lại có bi ký. Nay làng Đa Lộc, làng Nam Kim vẫn còn tuế thời phụng tự" (26)... Cách đoạn sau là nhận xét về cách ứng xử của Gia Long với Nguyễn Thiếp so cùng các trí thức nho sĩ tiêu biểu đương thời: "Xem đức Cao Hoàng khi về phục quốc, khám phá tâm thuật kẻ sĩ phu ở buổi ấy, hung trung đã chí Kinh, Vị (27), cho nên trung hưng rồi, Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích đều bị tội trượng mà Nguyễn Thiếp vào tạ xin hoàn sơn, đức Cao Hoàng có dụ rằng: 卿, 齒德俱優, 最浹人望, 還山之日, 當自陶淑多士, 奮庸熙朝. Khanh, xỉ đức câu ưu, tối thiếp (tiếp) nhân vọng, hoàn sơn chi nhật, đương tự đào thục đa sĩ, phấn dung hy triều" (Ngươi, tuổi, đức đều hơn, rất là thiếp phục lòng người, khi về ở nhà, phải nên hun đúc dạy lấy học trò, phấn chấn mà ra ứng dụng với triều đình, đương lúc thịnh trị). Thành ra dụ ấy vẫn là bao tưởng thầy Nguyễn Thiếp mà cũng bồi thực khí tiết cho kẻ sĩ muôn đời" (28)

Gần đây, trong luận văn *Thái độ của sĩ phu Bắc Hà với phong trào Tây Sơn (1771-1802)*, Đinh Thị Hằng Nga xác định đóng góp của Nguyễn Thiếp với nhà Tây Sơn và nhấn mạnh mối quan hệ cuối đời với hoàng đế Gia Long: "Sau đại thắng quân Thanh, Quang Trung viết thư mời nhiều lần. Nguyễn Thiếp mới ra giúp Tây Sơn, làm Viện trưởng Viện Sùng chính. Công lao lớn nhất của ông là thực hiện chủ trương của Quang Trung: chấn hưng, đề cao chữ Nôm, dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm, đưa chữ Nôm trở thành văn tự chính thức của nước Việt. Đồng thời, La Sơn Phu Tử còn là một nhà giáo có công lớn đối với nền giáo dục nước nhà cuối thế kỷ thứ XVIII. Năm

1802, khi triều Tây Sơn bị sụp đổ, Nguyễn Thiếp quyết định lui về lại trại Bùi Phong. Gia phả họ Nguyễn ở Mật Thôn - Nguyệt Ao, chép rằng: "Cụ ở lại trên núi, tự lấy làm vui, không bận lòng đến việc trần ai nữa. Ông mất năm 1804" (29)… Như vậy, ngoài uy vọng, Nguyễn Thiếp được hoàng đế Gia Long bao dung phải chăng còn do truyền thống trọng nghề thầy và trọng xỉ (phu tử hơn vua 40 tuổi), vào năm Nhâm Tuất (1802) đã tròn 80 thượng thọ.

Ngoài những tư liệu cơ bản trên, đặt trong sinh quyển văn hóa, xã hội đương thời cuộc đời Nguyễn Thiếp (1723 - 1804) và thế hệ gần cận vài ba thập kỷ đầu thế kỷ XIX cũng như quán tính cuối mùa trung đại nối dài đến hết thế kỷ XIX, Hoàng Xuân Hãn còn chỉ ra nhiều nguồn thư tịch chính thống (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Đại Nam nhất thống chí, Đại Nam liệt truyện, Đại Nam thực lục, Lê sử toản yếu, Lê sử tục biên*), gia phả (*Gia phổ họ Nguyễn làng Nguyệt Ao, Bình vọng Nguyễn tộc gia phổ, Vân Canh Trần tộc gia phổ*), dị sử và dã sử (*Dã sử nhật ký, Lê mạt tiết nghĩa lục, Lê triều dã sử, Lịch triều tạp kỷ, Nghệ An nhân vật chí*) và loại truyện ký (*Lê quý kỷ sự, Mẫn Hiên thuyết loại, Nguyễn Nha thi văn tập, Sơn cư tạp thuyết, Thoái thực ký văn*) nhưng hầu hết là những sự kiện, truyền thuyết, giai thoại quen thuộc, ngắn gọn, không ngoài những hướng tiếp nhận, đánh giá cơ bản đã nêu.

*

Việc tìm về tiếng nói của người đương thời, đồng thời, trong cuộc, trong chính sinh quyển thời đại Nguyễn Thiếp sẽ cho thấy rõ hơn chân dung danh nhân một cách khách quan, đa diện, đa phương, từ nhiều điểm quan sát khác nhau. Ở đây có điểm quan sát của phái cựu thần Lê - Trịnh, có phái trung gian và phái ủng hộ tân triều Tây Sơn, lại có thế lực chống Tây Sơn và sau này cộng tác với Nguyễn Gia Long, lại có thế lực u mê tòng phục Lê Chiêu Thống đến mức "Cõng rắn cắn gà nhà", đi ngược lại quyền lợi quốc gia, dân tộc. Có thể nói, tùy theo vị thế mỗi người, mỗi phe phái ứng xử với La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp mà có cách tiếp nhận, phẩm bình khác nhau. Vì thế, việc đánh giá cao chưa phải đã hợp lý, việc phê phán chưa hẳn đã đúng đắn. Điều này cho thấy tính phức hợp ở trường hợp danh nhân Nguyễn Thiếp cũng như nhiều trí thức nho sĩ giữa một thời tao loạn, thiếu những chuẩn mực cần thiết. Về cơ bản, theo dòng chảy thuận của lịch sử, Nguyễn Thiếp xứng đáng là bậc phu tử, được người đương thời trân trọng, đánh giá cao, để lại tấm gương nhân cách và bản lĩnh sáng soi cho hậu thế.

CHÚ THÍCH

(1). Biền ngôn là lời trùm lên đầu, tức là lời tựa ngôn (HXH chú).

(2). Hoàng Xuân Hãn, "Tựa", *La Sơn phu tử*. Nxb. Minh Tân, Paris, 1952, tr. 6.

(3). Nguyễn Thiếp, "Hạnh Am ký", *La Sơn phu tử* (Hoàng Xuân Hãn soạn), 1952, sđd, tr.193-195.

(4). Hoàng Xuân Hãn, "Tựa", *La Sơn phu tử*. Nxb. Minh Tân, Paris, 1952, tr. 16.

(5). Bùi Dương Lịch, *Lê quý dật sử* (Phạm Văn Thắm dịch, giới thiệu). Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1987, tr. 43-44.

(6), (7), (8). Bùi Dương Lịch, *Lê quý dật sử* (Phạm Văn Thắm dịch, giới thiệu), sđd, tr. 71-72, 93, 90.

(9), (10). Bùi Dương Lịch, *Lê quý dật sử* (Phạm Văn Thắm dịch, giới thiệu), sđd, tr. 93, 108.

(11). Ngô gia văn phái, "Hoàng Lê nhất thống chí" (Nguyễn Đức Vân - Kiều Thu Hoạch dịch), *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*, Tập III (Trần Nghĩa chủ biên), Nxb.Thế giới, Hà Nội, 1997, tr.765.

(12). Ngô gia văn phái, "Hoàng Lê nhất thống chí" (Nguyễn Đức Vân - Kiều Thu Hoạch dịch), *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*, Tập III (Trần Nghĩa chủ biên), sđd, tr. 765.

(13). Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn phu tử*, sđd, tr. 110-170.

(14). Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn phu tử*, sđd, tr. 225-231; 248-253.

(15). Chúng tôi kiểm đọc Phạm Đình Dục, "Vân nang tiểu sử" (Nguyễn Đức Vân - Nguyễn Kim Oanh dịch, chú), *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*, Tập II (Trần Nghĩa chủ biên). Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1997, tr.721-866, không thấy có đoạn này (NHS chú).

(16). Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn phu tử*. sđd, tr. 198-199.

(17). Tạm dịch: Trọn tháng chúng dân bên bờ bể không có chỗ trông cậy,/ Tự mình gây tiếng xấu cho thành đá Lục Niên

(18). Tạm dịch: Dự phần đại tiến sĩ triều Lê,/ Đến Tây Sơn cũng lạm chân hàn lâm./ Với nhà Nguyễn cũng bậc học chính,/ Cùng nổi trôi theo sự đời.

(19). 舉 世 共 知 音 - *Cử thế cộng tri âm*: Tất thảy theo đời hòa tiếng tri âm.

(20). Lê Thúc Thông, "Nam sử liệt truyện khảo cứu - Lục Niên thành xử sĩ Nguyễn Thiếp", *Nam phong Tạp chí*, số 102-1926, tháng 1+2, tr.48-49.

(21). Tạm dịch:

Cuộc gươm giáo tranh giành khốc liệt,

Bậc đại danh một mình một lối giữa chốn rừng tạp.

Xấu hổ với mũ mãng giữa sân triều Tống,

Còn được thấy xe tứ mã đón rước trước đình nhà Hán.

Khách ngồi nơi cột kinh đá với lớp rêu xưa,

Người trở về nghe tiếng suối vẫn ôm mối hận.

Ngày phúng điếu không rơi nước mắt,

Chỉ có gió lành đầy gian đình vắng.

(22). Tạm dịch:

Tài cao cũng không mua được cảnh lâm tuyền,

Chỉ bám theo hư danh không theo được bậc tiên.

Lê Tổ từng vỗ kiếm ở nơi này,

Quang Bình đi xe đến vừa buổi qua.

Người suy xét Lý học còn trong trang thơ,

Bậc tướng quân tài danh lưu trong sử sách.

Còn mang được hiệu La Sơn phu tử,

Sảnh đường Thương Chu bền vững, Thủ Dương điên đảo.

(23). *Lục Niên cung kiếm anh hùng sự, Bán chẩm yên hà dật khách tình*: Trải sáu năm [thành Lục Niên] là việc cung kiếm bậc anh hùng, Nửa gối khói mây là tâm tình người ẩn dật.

(24). Lê Thúc Thông, "Nam sử liệt truyện khảo cứu - Lục Niên thành xử sĩ Nguyễn Thiếp", *Nam phong Tạp chí*, số 102-1926, tháng 1+2, tr. 49-50.

(25). Xin xem Nguyễn Sơn, "Ông Viện trưởng Sùng Chính", *Quan Tổng trấn Bắc Hà*. Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1991, tr. 111-224.

(26). Lê Thúc Thông, "Nam sử liệt truyện khảo cứu - Lục Niên thành xử sĩ Nguyễn Thiếp", *Nam phong Tạp chí*, số 102 - 1926, tháng 1+2, tr. 48.

(27). Kinh: Nước trong. Vị: Nước đục. Nghĩa bóng là đã biết kẻ trong, người đục (LTT chú).

(28). Lê Thúc Thông, "Nam sử liệt truyện khảo cứu - Lục Niên thành xử sĩ Nguyễn Thiếp", *Nam phong Tạp chí*, số 102 - 1926, tháng 1+2, tr.49.

(29). Xin xem Đinh Thị Hằng Nga, *Thái độ của sĩ phu Bắc Hà với phong trào Tây Sơn (1771 - 1802)*. Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016, tr.45-46.